TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01**/2023/DS-ST
Ngày: 03/01/2023
V/v T/C Hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đa.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn.

2. Bà Tăng Thị Bạch Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Bà Lâm Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 03/01/2023, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 303/2022/TLST-DS, ngày 14/10/2022 về việc "Tranh chấp Hợp đồng góp hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 364/2022/QĐXXST-DS ngày 21/11/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 283/2022/QĐST-DS ngày 09/12/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Vũ Thị T**, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà **Lê Thị L**, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/8/2022, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Vũ Thị T trình bày:

Bà T có tham gia hụi do bà Lê Thị L làm chủ hụi. Sau khi bà T đóng hụi sống một thời gian thì bà L nhưng hụi, cụ thể như sau:

Dây 1: Hụi tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 16/5/2020 âm lịch, hụi có 27 phần, bà tham gia 02 phần, trong danh sách hụi ghi tên T.C. Bà đóng hụi sống được 18 lần x

1.000.000 đồng x 02 phần = 36.000.000 đồng. Hụi này còn 09 lần nữa mới mãn, bà chưa hốt phần nào nên bà L còn thiếu bà dây hụi này với số tiền là 36.000.000 đồng.

Dây 2: Hụi tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 21/01/2021 âm lịch, hụi có 22 phần, bà tham gia 02 phần, trong giấy hụi ghi tên là T.C. Bà đóng hụi sống được 8 lần x 1.000.000 đồng x 02 phần = 16.000.000 đồng. Hụi này còn 14 lần nữa mới mãn, bà chưa hốt phần nào nên bà L còn thiếu bà dây hụi này với số tiền là 16.000.000 đồng.

Dây 3: Hụi tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 01/05/2021 âm lịch, hụi có 24 phần, bà tham gia 02 phần, trong giấy hụi ghi tên là T. Bà đóng hụi sống được 5 lần x 1.000.000 đồng x 02 phần =10.000.000 đồng. Hụi này còn 19 lần nữa mới mãn, bà chưa hốt phần hụi nào nên bà L còn thiếu bà dây hụi này với số tiền là 10.000.000 đồng.

Nay bà Vũ Thị T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng giải quyết: Buộc bà Lê Thị L có trách nhiệm trả cho bà số tiền hụi còn thiếu là 62.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, bà T cho rằng theo Đơn khởi kiện, bà trình bày về dây 1 và dây 2 như trên là chưa chính xác. Dây 01 và dây 02 thực ra do có nhiều phần hụi nên chủ hụi đã tách ra thành 04 dây có cùng ngày khui và số lượng hụi viên. Mỗi dây bà T tham gia 01 phần. Như vậy, có tất cả 05 dây hụi mà bà T đã tham gia. Đến nay, số nợ hụi mà bà L nợ bà vẫn là 62.000.000 đồng.

Đối với bị đơn bà Lê Thị L: Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết cho đến nay, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà L nhưng bà L không tham gia tố tụng nên Tòa án không thể thu thập được lời khai và ý kiến của bà.

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp. Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị thu thập thêm chứng cứ là lời khai của các hụi viên tham gia chung 05 dây hụi nguyên đơn khởi kiện để xác minh, làm rõ nhưng nguyên đơn không đồng ý xác minh. Kiểm sát viên cho rằng chưa đủ cơ sở giải quyết vụ án vì thiếu những chứng cứ Kiểm sát viên yêu cầu nên không có căn cứ phát biểu về đường lối giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, tại phiên tòa các bị đơn bà Lê Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội

đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn bà T cho rằng, bà là hụi viên đã tham gia 05 dây hụi do bà Lê Thị L làm chủ hụi. Sau khi bà T đóng sống được các lần hụi đã nêu trên thì bà L ngưng hụi. Tính đến nay, số tiền hụi bà L còn nợ bà T là 62.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà L nhưng bà L không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện này nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử cho rằng Hợp đồng góp hụi giữa bà T và bà L được lập trên cơ sở tự nguyện của các bên, không trái đạo đức xã hội, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, khi giao kết hợp đồng, các đương sự là những người có đủ năng lực hành vi dân sự nên giao dịch trên giữa các đương sự là hợp pháp. Trong quá trình thực hiện hợp đồng góp hụi, Lan đã vi phạm nghĩa vụ, tự ý ngưng hụi nhưng không giao đủ tiền hụi cho hụi viên như đã thỏa thuận.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 18, Điều 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

[3] Đối với đề nghị của Kiểm sát viên: Xét thấy tại phiên tòa, nguyên đơn khai việc giao dịch tiền hụi giữa nguyên đơn và bị đơn không có người chứng kiến; nguyên đơn không đồng ý thu thập thêm chứng cứ. Đồng thời như nhận định ở mục [2], Hội đồng xét xử xét thấy việc thu thập thêm chứng cứ theo đề nghị của Kiểm sát viên là không cần thiết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Toà án chấp nhận nên bị đơn bà Lê Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 62.000.000 đồng x 5% = 3.100.000 đồng.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điều 227, 228; Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ Điều 18, Điều 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn bà Lê Thị L có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Vũ Thị T số tiền nợ hụi là 62.000.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Vũ Thị T có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Lê Thị L còn phải có trách nhiệm trả lãi cho bà Vũ Thị T theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.100.000 đồng.

Bà Vũ Thị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.550.000 đồng từ Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004743 ngày 10/10/2022 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã thu.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a ,7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Linh Đa